

REVIEW OF COMPULSORY EDUCATION POLICY

Do Minh Thu

Email: thudm@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao street, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 29/9/2025

Revised: 10/10/2025

Accepted: 25/10/2025

Published: 20/12/2025

Abstract: Compulsory education is an important public policy that realize children's right to education, ensure social equity and prepare a high-quality human resource. This paper provides a review of national and international research on compulsory education policy from both theoretical and practical perspectives; at the same time, discusses the positive impacts as well as challenges in implementing compulsory education policy. Drawing on international experience, the paper highlights legal, financial, social awareness, implementation constraints and emphasizes the need for a systematic, flexible, and context-appropriate approach to compulsory education policy in Vietnam.

Keywords: *Compulsory education, compulsory education policy, review paper, social equity in education.*

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC BẮT BUỘC

Đỗ Minh Thu

Email: thudm@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 29/9/2025

Chỉnh sửa xong: 10/10/2025

Chấp nhận đăng: 25/10/2025

Xuất bản: 20/12/2025

Tóm tắt: Bài viết tổng quan các nghiên cứu trong nước và quốc tế về chính sách giáo dục bắt buộc từ góc độ lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục bắt buộc là công cụ bảo đảm quyền học tập, công bằng xã hội và chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng song việc thực thi chịu ảnh hưởng lớn từ nguồn lực, cơ chế quản lý và nhận thức xã hội. Các nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết của việc tiếp cận chính sách toàn diện, linh hoạt, gắn kết giữa pháp lý, tài chính, đội ngũ và giám sát. Bài viết thảo luận định hướng hoàn thiện khung chính sách, tăng cường phối hợp nhà trường - gia đình - cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của giáo dục bắt buộc ở Việt Nam.

Từ khóa: *Giáo dục bắt buộc, chính sách giáo dục bắt buộc, tổng quan nghiên cứu, công bằng xã hội trong giáo dục.*

1. Đặt vấn đề

Mục đích của giáo dục là nhằm phát triển toàn diện tri thức, kỹ năng, tư duy và nhân cách, qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển bền vững. Dù quyền học tập được thừa nhận rộng rãi, thực tiễn vẫn tồn tại khoảng cách trong cơ hội tiếp cận giáo dục đối với nhiều nhóm trẻ em. Giáo dục bắt buộc ra đời để hiện thực hóa quyền được học, bảo đảm mọi trẻ trong độ tuổi đều hoàn thành một trình độ học vấn tối thiểu. Hiện nay, đa số quốc gia trên thế giới đã luật hóa chính sách giáo dục bắt buộc.

Tại Việt Nam, Luật Giáo dục 2019 quy định tiểu học là cấp học bắt buộc. Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, gia đình có nghĩa vụ bảo đảm cho trẻ đi học. Thành tựu ghi nhận được ở tỉ lệ huy động trẻ đi học, giảm bỏ học và công bằng hơn trong tiếp

cận, song việc thực thi vẫn chịu thách thức về nguồn lực, chênh lệch vùng miền, nhận thức và phối hợp liên ngành.

Ở Việt Nam, giáo dục bắt buộc được quy định rõ trong Luật Giáo dục 2019. Điều 5 xác định: "Giáo dục bắt buộc là giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập..." và "được Nhà nước bảo đảm điều kiện thực hiện". Điều 14 quy định: "Giáo dục tiểu học là cấp học bắt buộc" với độ tuổi phổ biến từ 06 đến 11 tuổi. Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện; gia đình và người giám hộ có nghĩa vụ ảo đảm cho trẻ đi học. Giáo dục bắt buộc đã giúp tăng tỉ lệ huy động trẻ đến trường, giảm bỏ học, nâng cao trình độ dân trí và góp phần bảo đảm công bằng xã hội, song việc thực thi vẫn chịu thách thức về nguồn lực, chênh lệch vùng miền, nhận thức và phối hợp liên ngành.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận (hồi cứu, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa) trên nguồn tài liệu trong nước/quốc tế (Scopus, WoS, tạp chí uy tín, sách chuyên khảo, văn bản pháp luật, báo cáo). Tiêu chí chọn tài liệu: 1) Trực tiếp về giáo dục bắt buộc/chính sách giáo dục bắt buộc; 2) Giá trị học thuật/thực tiễn; 3) Thời gian 1965 - 2025. Tài liệu được phân loại theo chủ đề (khái niệm, bối cảnh, xây dựng - thực thi, tác động, giải pháp) để đảm bảo tính hệ thống.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm

3.1.1. Chính sách

Theo Anderson (1975), chính sách công là: “Một chuỗi hành động có mục đích mà một chủ thể hoặc nhóm chủ thể theo đuổi để giải quyết vấn đề của xã hội”. Dye (1972) cho rằng: “Chính sách công là bất cứ điều gì mà chính phủ lựa chọn làm hoặc không làm”, nhấn mạnh vai trò quyết định của Nhà nước trong can thiệp xã hội. Ở góc độ ngôn ngữ học, Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: “Chính sách là sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt một mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra”. Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP xác định: “Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định”.

Như vậy, chính sách có các đặc điểm: 1) Là định hướng hoặc chương trình hành động có mục tiêu cụ thể; 2) Là công cụ quản lý và điều tiết xã hội của Nhà nước; 3) Phản ánh lựa chọn chính trị và ưu tiên phát triển; 4) Tác động trực tiếp đến các nhóm xã hội. Trong phạm vi bài viết này, “chính sách” được hiểu: “Là quan điểm, định hướng và hệ thống giải pháp của Nhà nước nhằm giải quyết một vấn đề của thực tiễn để đạt được mục tiêu phát triển trong một giai đoạn nhất định”.

3.1.2. Giáo dục bắt buộc

Theo UNESCO, giáo dục bắt buộc là: “Số năm hoặc độ tuổi mà trẻ em có nghĩa vụ pháp lý phải đi học” (UNESCO Institute for Statistics, n.d.). Điều 5 Luật Giáo dục 2019 định nghĩa: “Giáo dục bắt buộc là giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện” (Quốc hội, 2019). Điều 14 Luật Giáo dục 2019 quy định đối tượng của giáo dục bắt buộc, trình độ học vấn tối thiểu phải

đạt được, trách nhiệm của người học, trách nhiệm của Nhà nước và các bên liên quan. Trong bài viết này, “Giáo dục bắt buộc là loại hình giáo dục mang tính nghĩa vụ pháp lý do Nhà nước chủ trì và các chủ thể liên quan cùng chịu trách nhiệm thực hiện, nhằm bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi quy định được tiếp cận công bằng, hoàn thành trình độ học vấn tối thiểu và hiện thực hóa quyền được học tập”.

3.1.3. Chính sách giáo dục bắt buộc

Chính sách giáo dục bắt buộc là một chính sách công trong lĩnh vực giáo dục, nhằm thực hiện quyền học tập của trẻ em và bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi nhất định đều hoàn thành một trình độ học vấn tối thiểu. Về nội hàm, chính sách giáo dục bắt buộc bao gồm: 1) Quy định pháp lý về độ tuổi, cấp học, thời lượng học; 2) Cơ chế tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát; 3) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, gia đình và xã hội; 4) Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; 5) Các biện pháp hỗ trợ thực hiện.

Chính sách giáo dục bắt buộc có các đặc điểm sau: 1) Tính bắt buộc về pháp lý: nghĩa vụ học tập của người học và trách nhiệm thực hiện của nhà nước; 2) Tính phổ quát: mọi trẻ em trong độ tuổi quy định; 3) Tính xã hội, nhân văn: bảo đảm quyền học tập và công bằng trong giáo dục; 4) Tính liên ngành và hệ thống: nhiều lĩnh vực (tài chính, pháp luật, ...); 5) Tính dài hạn và chiến lược: phát triển nguồn nhân lực quốc gia.

Trong bài viết này, chính sách giáo dục bắt buộc là: “Định hướng và hệ thống giải pháp pháp lý của nhà nước nhằm bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi quy định được tiếp cận giáo dục có chất lượng, hoàn thành chương trình học tập tối thiểu để phát triển năng lực và phẩm chất, góp phần thực hiện công bằng xã hội và phát triển nguồn nhân lực cho đất nước”.

3.2. Nghiên cứu quốc tế về giáo dục bắt buộc

3.2.1. Các nghiên cứu chung về giáo dục bắt buộc

Cuốn “*Lịch sử Luật Giáo dục bắt buộc*” mô tả sự ra đời của Luật Giáo dục bắt buộc ở Hoa Kỳ (1642), những điều chỉnh dưới ảnh hưởng từ sự ủng hộ hoặc phản đối của chính quyền và người dân trong các giai đoạn có biến động về chính trị, kinh tế, xã hội (Katz, Michael S, 1976). Trước đó, phổ cập giáo dục đã giúp cho việc tiếp cận giáo dục trở nên dễ dàng hơn nhưng chưa phải tất cả trẻ em đều được đi học và tỉ lệ bỏ học chưa giảm. Luật Giáo dục bắt buộc ra đời đã giúp người dân nhận thức về giáo dục như là

một nghĩa vụ của mỗi công dân, đảm bảo cơ hội đi học cho mọi trẻ em và trình độ học vấn sau khi hoàn thành giáo dục bắt buộc.

Chuỗi bài “Bản án mười hai năm” (Boaz; Rolleston & Iyer; Spring & Rickenbacker, 1974) phê phán tính cưỡng bách của giáo dục bắt buộc từ góc nhìn chính trị - xã hội, đề cập đến nỗi lo ngại về sự hạn chế quyền lựa chọn và nguy cơ biến giáo dục thành công cụ chính trị của giai cấp cầm quyền thay vì mục đích sự phạm. Các bài viết này tiếp cận giáo dục dựa trên quyền và sự công bằng.

Bài viết “So sánh giáo dục bắt buộc ở Trung Quốc và Vương Quốc Anh” (Gao, Yuhuan, 2024) cho thấy khác biệt về triết lý sự phạm và mô hình quản trị (tập trung đối lập với phân quyền), theo đó, cần kết hợp ưu điểm của mỗi mô hình trong cải cách giáo dục bắt buộc.

Nghiên cứu “Mô hình đánh giá hiệu quả đầu vào cho giáo dục bắt buộc tại các vùng dân tộc thiểu số ở Trung Quốc” (Yang và cộng sự, 2024) cho thấy mô hình đánh giá hiệu quả đầu vào chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của giáo dục bắt buộc ở vùng dân tộc thiểu số. Qua phân tích mối quan hệ giữa đầu vào (nguồn lực), quá trình thực hiện và đầu ra (kết quả học tập), nghiên cứu đề xuất khung lý thuyết đánh giá hiệu quả đầu tư cho giáo dục bắt buộc tại các khu vực này. Hiệu quả đầu tư là sự tương ứng giữa mức đầu tư và kết quả học tập, bao gồm các khía cạnh: mức độ công bằng trong phân bổ nguồn lực, hiệu suất sử dụng ngân sách, chất lượng đầu ra và khả năng đáp ứng nhu cầu của học sinh vùng dân tộc thiểu số. Các mô hình đánh giá 4E (Economy - Equity - Efficiency - Effectiveness), Khung 3 chiều (Chính trị - Kinh tế - Xã hội), Khung chỉ số, Thẻ điểm cân bằng (Balanced Score Card) được dùng để so sánh yếu tố đầu vào, quá trình triển khai và đầu ra của chính sách cho thấy hiệu quả đầu tư cho giáo dục bắt buộc cần được đánh giá một cách đa chiều, toàn diện và gắn với bối cảnh thực tế.

3.2.2. Về kinh nghiệm xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc

Bài “Khuyênh hướng giống nhau - Cải cách giáo dục bắt buộc ở Nhật Bản và Trung Quốc” (Qi, Jie & Xiao, Hao-Zhu, 2016) cho rằng, giáo dục bắt buộc là hình thức đảm bảo phúc lợi xã hội cho mọi trẻ em và chất lượng nguồn nhân lực của mỗi quốc gia. Tại Châu Á, Nhật Bản dẫn đầu về phát triển kinh tế trong khi Trung Quốc đứng đầu về số dân. Sự phát triển kinh tế của đất nước phụ thuộc vào nguồn nhân lực trong khi lực lượng lao động dồi dào là

một điều kiện giúp kinh tế phát triển. Nhật Bản và Trung Quốc đều xem giáo dục bắt buộc là giải pháp hỗ trợ phát triển bền vững của nền kinh tế và của quốc gia.

Cải cách giáo dục năm 1978 ở Trung Quốc đặt mục tiêu giáo dục công bằng và chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh của quốc gia. Giáo dục bắt buộc là một trọng tâm của cải cách. Cuốn “Chính sách giáo dục bắt buộc - Khái niệm và Thực hành” (Li, Jian & Xue, Eryong, 2021) phân tích thay đổi của giáo dục bắt buộc ở Trung Quốc qua ba giai đoạn (1949 - 1978 - ủng hộ công bằng và hiệu quả; 1978 - 2000 - ưu tiên hiệu quả và xem xét công bằng; sau năm 2000 - công bằng và hiệu quả để hướng tới phát triển cân bằng) từ góc độ pháp luật, chính trị, tài chính, giáo dục, công bằng xã hội trong bối cảnh nông thôn Trung Quốc.

Bài “Chính sách giáo dục bắt buộc 9 năm ở Trung Quốc” (Sun, Maojia, 2022) mô tả kết quả cải cách giáo dục, của giáo dục bắt buộc qua phân tích điểm mạnh, yếu kém, cơ hội và thách thức của hệ thống giáo dục trong nỗ lực đạt được các mục tiêu giáo dục bắt buộc.

Với số dân đứng đầu thế giới, trong đó bảy mươi phần trăm dân số sống ở nông thôn, việc đảm bảo cơ hội đi học cho tất cả trẻ em trong độ tuổi tiểu học và trung học cơ sở ở Trung Quốc là một thách thức lớn buộc Chính phủ thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc. Xác định hình thức giáo dục phù hợp với điều kiện ở nông thôn để nâng cao chất lượng và thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa nông thôn và thành thị là thách thức. Bài “Chính sách giáo dục bắt buộc ở vùng nông thôn Trung Quốc từ năm 1978: Quan điểm vĩ mô” (Jian, Li, 2020) tìm hiểu việc xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc tại nông thôn Trung Quốc và bốn giai đoạn phát triển của giáo dục bắt buộc: 1978 - 1985: phục hồi hệ thống, đặt nền tảng pháp lý, ưu tiên công bằng cơ hội; 1986 - 2000: thực thi Luật Giáo dục bắt buộc và phân cấp triển khai; 2001 - 2010: chuyển từ “mở rộng số lượng” sang “bảo đảm chất lượng”, tăng tài chính công và chuẩn hóa điều kiện; sau năm 2010: phát triển cân bằng - bền vững, hoàn thiện giám sát và hỗ trợ vùng khó khăn. Chính sách giáo dục bắt buộc của Trung Quốc được xây dựng theo lộ trình rõ ràng, đảm bảo tính pháp lý, linh hoạt trong thực thi, giúp thu hẹp khoảng cách về chất lượng, sự công bằng trong giáo dục giữa nông thôn và thành thị. Thách thức đòi hỏi Chính phủ phải tìm ra giải pháp phù hợp để duy trì và phát triển giáo dục bền vững.

3.2.3. Về tác động của chính sách giáo dục bắt buộc

Bài “Giáo dục với chi phí thấp: Tác động dài hạn của cải cách giáo dục bắt buộc miễn phí ở vùng nông thôn Trung Quốc” (Xiao, Yun, Li, Li & Zhao, Liqiu Zhao, 2017) đánh giá tác động của giáo dục bắt buộc miễn phí đối với trình độ học vấn, khả năng nhận thức của người dân vùng nông thôn Trung Quốc bằng cách so sánh tác động tại các địa phương trong quá trình triển khai cải cách. Kết quả nghiên cứu cho thấy, số năm giáo dục bắt buộc tác động tích cực đến trình độ học vấn, khả năng nhận thức của mỗi cá nhân và tác động này càng lớn hơn trong dài hạn.

Bài “Phổ cập giáo dục và nguy cơ đói nghèo: Minh chứng từ giáo dục bắt buộc ở vùng nông thôn Trung Quốc” (Yang, Yuping & Guo, Xiaodong, 2020) nghiên cứu tác động của phổ cập giáo dục đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương do nghèo đói và tác động của giáo dục bắt buộc đối với các hộ gia đình có con trong độ tuổi giáo dục bắt buộc ở nông thôn Trung Quốc. Giáo dục bắt buộc giúp người dân nông thôn nâng cao nhận thức, tăng khả năng và cơ hội tham gia vào các công việc phi nông nghiệp, có thu nhập cố định và giảm nguy cơ tổn thương do nghèo đói.

3.2.4. Về các giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục bắt buộc

Nghiên cứu “Những thách thức mà phụ huynh phải đối mặt nếu thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc 12 năm tại Malaysia” (Janjang và cộng sự, 2023) cho thấy bốn nhóm khó khăn chính: 1) Gánh nặng tài chính (học phí, sách vở, đồng phục, chi phí đi lại) khiến nhiều gia đình không đủ khả năng cho con đi học; 2) Vấn đề từ phía nhà trường (sĩ số lớp đông, chất lượng không đồng đều, thiếu hỗ trợ tâm lý cho học sinh); 3) Phụ huynh gặp khó khăn trong việc quản lý hành vi và động lực học tập của con khi trẻ bắt đầu có nhu cầu tự chủ cao hơn; 4) Trẻ chịu áp lực (thời gian học, thi, định hướng tương lai), căng thẳng và giảm hứng thú học tập. Giáo dục bắt buộc 12 năm là vấn đề về chính sách, khả năng của gia đình và hệ thống giáo dục. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp: 1) Chính phủ hỗ trợ tài chính hoặc miễn giảm chi phí giáo dục cho các hộ gia đình có thu nhập thấp; 2) Nhà trường cải thiện điều kiện giảng dạy, tăng cường hỗ trợ học sinh, tư vấn tâm lý và xây dựng môi trường thân thiện; 3) Tăng cường phối hợp giữa gia đình và nhà trường, bồi dưỡng kỹ năng làm cha mẹ và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của giáo dục.

Theo bài “Cải cách giáo dục bắt buộc vùng nông

thôn dưới góc độ công bằng tài chính công” (Yuan, 2008), giáo dục bắt buộc là “Phúc lợi công lớn nhất của quốc gia” và nhà nước phải bảo đảm ngân sách để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách tại nông thôn Trung Quốc gặp nhiều thách thức như phân bổ ngân sách không nhất quán, chậm trễ trong giải ngân, thiếu tiêu chí xác định mức hỗ trợ tài chính và chưa có cơ chế tạo động lực cho giáo viên. Bài viết đề xuất giải pháp: 1) Nâng cao nhận thức của người dân về giáo dục bắt buộc; 2) Chuẩn hóa quy trình tài chính công và bảo đảm phân bổ ngân sách kịp thời; 3) Tăng cường giám sát việc sử dụng nguồn lực; 4) Cải thiện chính sách đãi ngộ để thu hút và giữ chân giáo viên. Tài chính công đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của chính sách giáo dục bắt buộc, đặc biệt ở vùng khó khăn.

Bài “Vượt qua những điều cơ bản: Tiếp cận và công bằng trong việc mở rộng giáo dục sau phổ cập ở Việt Nam” (Rolleston, Caine & Iyer, Padmini, 2019) đề cập khả năng tiếp cận giáo dục Trung học phổ thông ở Việt Nam sau giai đoạn giáo dục bắt buộc. Việc hoàn thành phổ cập giáo dục giúp tăng cơ hội đi học cho trẻ em nhưng việc học lên cấp Trung học phổ thông gặp nhiều khó khăn, trong đó kì thi tuyển sinh đầu cấp và khả năng chi trả các chi phí giáo dục ở cấp học này là hai cản trở lớn nhất.

Có thể thấy, nghiên cứu quốc tế tiếp cận giáo dục bắt buộc theo nhiều hướng khác nhau như lịch sử hình thành và phát triển chính sách giáo dục bắt buộc (Katz, 1976; Boaz và cộng sự, 1974), qua đó lí giải bối cảnh chính trị - xã hội dẫn tới sự ra đời của chính sách; mô hình xây dựng và thiết kế chính sách giáo dục bắt buộc (Li & Xue, 2021; Sun, 2022); quá trình thực thi chính sách, cơ chế quản lí, tài chính công, phân cấp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và sự phối hợp giữa các chủ thể (Yuan, 2008; Jian, 2020); tác động của giáo dục bắt buộc đến chất lượng giáo dục, công bằng xã hội, thị trường lao động và giảm nghèo (Xiao và cộng sự, 2017; Yang & Guo, 2020); cải cách giáo dục, đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và kì vọng xã hội (Qi & Xiao, 2016; Gao, 2024). Từ các hướng tiếp cận này có thể thấy “bức tranh” về chính sách giáo dục bắt buộc bao gồm hai mảng: 1) xây dựng chính sách (thiết kế, mục tiêu, cơ chế); 2) thực thi chính sách (triển khai, giám sát, kết quả và thách thức). Đây cũng là cơ sở để bài viết hệ thống hóa các nghiên cứu tiếp theo một cách logic và toàn diện hơn.

Nghiên cứu quốc tế cũng đưa ra nhiều nhóm

giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc như: 1) Hoàn thiện khung pháp lý và thiết kế chính sách rõ ràng (độ tuổi, phạm vi, trách nhiệm và cơ chế giám sát) (Sun, 2022; Li & Xue, 2021); 2) Bảo đảm nguồn lực ổn định, công bằng và minh bạch, tăng cường giám sát việc phân bổ và sử dụng ngân sách (Yuan, 2008); 3) Phân bổ hợp lý đội ngũ giáo viên, đặc biệt tại vùng khó khăn, kết hợp đãi ngộ và bồi dưỡng chuyên môn (Qi & Xiao, 2016); 4) Đầu tư cơ sở vật chất và điều kiện học tập tối thiểu để bảo đảm chất lượng giáo dục và giảm chênh lệch vùng miền (Jian, 2020); 5) Tăng cường cơ chế phối hợp giữa chính quyền, nhà trường, gia đình và cộng đồng trong quản lý và giám sát thực thi chính sách (Sun, 2022); 6) Nâng cao nhận thức xã hội, khuyến khích sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng, hỗ trợ các nhóm yếu thế để bảo đảm tính khả thi và công bằng trong thực hiện giáo dục bắt buộc (Janjang và cộng sự, 2023). Các nhóm giải pháp này cho thấy việc thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp lý mà cần một hệ thống giải pháp đồng bộ về nguồn lực, quản lý và xã hội.

3.3. Nghiên cứu trong nước về giáo dục bắt buộc

3.3.1. Các nghiên cứu chung về giáo dục bắt buộc

Nghiên cứu tổng quan của Do và cộng sự (2024) cho thấy quá trình xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc trên thế giới có một số điểm chung đáng chú ý: 1) Chính sách giáo dục bắt buộc của các nước đều nhằm mục tiêu bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; 2) Cách tiếp cận chính sách chuyển đổi từ áp đặt sang dựa trên quyền - giáo dục bắt buộc là công cụ thực thi quyền học tập; 3) Hiệu quả thực thi chính sách phụ thuộc vào năng lực quản lý, phân bổ nguồn lực và sự phối hợp giữa chính quyền, nhà trường và gia đình; 4) Các quốc gia thành công thường áp dụng cơ chế đánh giá, giám sát và điều chỉnh chính sách linh hoạt theo bối cảnh kinh tế - xã hội.

3.3.2. Về kinh nghiệm xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc

Theo Phạm Viết Vượng (2023), các nước trên thế giới áp dụng giáo dục bắt buộc với thời gian, độ tuổi và hình thức thực hiện rất khác nhau. Ở Singapore và Malaysia, giáo dục bắt buộc kéo dài 6 năm đã bổ sung thêm đoạn viết để tổng hợp kinh nghiệm xây dựng và thực hiện chính sách ở cấp Tiểu học. Thái Lan, Indonesia và nhiều quốc gia Đông Nam Á áp dụng 9 năm (từ Tiểu học đến hết Trung học cơ sở), Philippines triển khai 10 năm. Nhiều nước Châu Âu

như Đức, Anh, Pháp và một số bang ở Hoa Kỳ áp dụng 9-12 năm, bắt đầu từ 5-7 tuổi. Về hình thức thực hiện, một số nước cho phép học tại nhà hoặc tại cơ sở tôn giáo dưới sự giám sát của nhà nước (Hoa Kỳ, Anh), nước khác yêu cầu học tại các trường công lập hoặc tư thục được công nhận (Đức, Nhật Bản). Về chế tài thực thi, Singapore và Đức áp dụng phạt hành chính hoặc trách nhiệm pháp lý nếu phụ huynh không cho trẻ đi học, các quốc gia đang phát triển chủ yếu tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích. Điều này cho thấy, chính sách giáo dục bắt buộc không tồn tại theo một mô hình duy nhất, mà được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội và hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

3.3.3. Về tác động của chính sách giáo dục bắt buộc

Bài "Tác động của luật giáo dục bắt buộc đối với kết quả học tập của học sinh: Minh chứng từ Việt Nam" (Dang, Bình Thi Thanh & Hoang, Trung Xuan, 2024) trình bày những tác động ngắn hạn của giáo dục bắt buộc ở Việt Nam qua phân tích thành tích học tập của học sinh. Giáo dục bắt buộc đã giúp tỉ lệ học sinh bỏ học giảm 12%. Tuy nhiên, khi so sánh tác động của những quy định này với các tác động của các yếu tố điều kiện kinh tế, thu nhập của gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ, tác động của giáo dục bắt buộc khá khiêm tốn.

3.3.4. Về các giải pháp thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc

Bài viết *Giáo dục bắt buộc đối với giáo dục tiểu học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi* (Nguyễn, Phú Tuấn., 2023) khẳng định vai trò thiết yếu của giáo dục bắt buộc đối với giáo dục tiểu học vùng dân tộc thiểu số miền núi trong việc phát triển nguồn nhân lực và công bằng xã hội. Phổ cập giáo dục đã đạt những thành tựu đáng kể nhưng việc huy động trẻ đi học còn gặp nhiều trở ngại, tỉ lệ học sinh bỏ học vẫn còn cao. Chính sách giáo dục bắt buộc được kì vọng mang đến cơ hội tiếp cận công bằng với giáo dục cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa chính sách này gặp nhiều trở ngại do hạn chế về nguồn lực thực hiện, sự bất hợp lý trong phân bổ đội ngũ giáo viên và điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn của các địa phương miền núi. Một số giải pháp được đề xuất như cải thiện điều kiện học tập, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất.

Phổ cập giáo dục khác với giáo dục bắt buộc. Phổ cập giáo dục là chính sách nhằm huy động và duy trì tỉ lệ trẻ em đến trường đạt một mức nhất định thông qua các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ và vận động

xã hội nhưng không gắn với chế tài pháp lý. Giáo dục bắt buộc mang tính ràng buộc pháp lý cao hơn, quy định nghĩa vụ học tập của trẻ em và trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm điều kiện thực hiện. Phổ cập giáo dục thường được xem là nền tảng để tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc nhưng hai khái niệm này không đồng nhất. Do đó, khi phân tích chính sách giáo dục bắt buộc ở vùng dân tộc thiểu số, cần xem xét cả quá trình từ phổ cập đến bắt buộc để hiểu đúng bản chất chính sách.

Bài “Từ miễn học phí đến giáo dục bắt buộc” (Hồ Sỹ Anh, 2024) nêu những khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến cho việc thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc gặp nhiều thách thức. Chính sách miễn học phí giảm một phần gánh nặng tài chính cho phụ huynh và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW. Tuy nhiên, để chính sách miễn học phí này thực sự hiệu quả, cần phải có cơ chế và giải pháp chống lạm thu trong các cơ sở giáo dục.

Bài viết “Giáo dục bắt buộc - một số vấn đề trao đổi” (Tô Bá Trọng, 2023) nhận định Việt Nam có tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động khá cao, thuận lợi cho việc hình thành và phát triển nguồn nhân lực. Các chính sách hỗ trợ giáo dục hiện nay có hướng đi tích cực để phát triển giáo dục có chất lượng, song, khoảng cách giữa các vùng miền về điều kiện kinh tế - xã hội dẫn đến sự chênh lệch về chất lượng giáo dục khiến cho giáo dục chưa thể đảm bảo cho mọi trẻ được đi học như mục tiêu đặt ra. Một số giải pháp được đề xuất như phát triển hệ thống giáo dục đa dạng, hỗ trợ tài chính cho học sinh khó khăn, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chức năng trong việc giám sát thực thi chính sách.

Từ các nghiên cứu trong nước có thể rút ra một số kinh nghiệm về việc xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc như sau: 1) Chính sách giáo dục bắt buộc cần bảo đảm quyền học tập của trẻ em, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế phải phù hợp bối cảnh Việt Nam (Phạm Viết Vượng, 2023); 2) Việc thực thi chính sách phụ thuộc vào năng lực quản lý của chính quyền địa phương, sự phân bổ nguồn lực tài chính, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất (Nguyễn Phú Tuấn, 2023); 3) Chính sách chỉ đạt hiệu quả khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước - nhà trường - gia đình - cộng đồng, nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của giáo dục bắt buộc (Tô Bá Trọng, 2023); 4) Cần có cơ chế giám sát, đánh giá và

điều chỉnh chính sách kịp thời để khắc phục hạn chế trong quá trình thực hiện như lạm thu hoặc bất bình đẳng vùng miền (Hồ Sỹ Anh, 2024). Như vậy, chính sách giáo dục bắt buộc không chỉ là quy định pháp lý mà còn là quá trình tổ chức thực thi phức tạp, đòi hỏi hệ thống giải pháp đồng bộ và linh hoạt.

Nghiên cứu trong nước cũng phân tích chính sách giáo dục bắt buộc của Việt Nam ở góc độ pháp lý và quản lý nhà nước. Phạm Viết Vượng (2023) cho rằng, Việt Nam đã có khung chính sách tương đối đầy đủ (luật, các nghị định, thông tư,...), song các chính sách chưa tạo thành một hệ thống đồng bộ giữa mục tiêu, nguồn lực và cơ chế thực thi. Hồ Sỹ Anh (2024) nhấn mạnh rằng, chính sách giáo dục bắt buộc ở Việt Nam thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, công cụ giám sát và chính sách hỗ trợ đủ mạnh cho vùng khó khăn. Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chỉ ra khoảng cách giữa thiết kế chính sách và thực tế triển khai tại địa phương. Việt Nam cần có cách tiếp cận toàn diện, linh hoạt hơn khi xây dựng và triển khai chính sách giáo dục bắt buộc, bảo đảm sự gắn kết giữa khung pháp lý, nguồn lực và điều kiện thực tế ở mỗi địa phương.

4. Thảo luận

Từ tổng quan các nghiên cứu quốc tế và trong nước, có thể rút ra một số vấn đề đáng lưu ý về chính sách giáo dục bắt buộc như sau:

Giáo dục bắt buộc là một chính sách chiến lược nhằm đảm bảo quyền trẻ em và quyền được học tập cho mọi trẻ em. Ở các quốc gia có hệ thống chính trị ổn định và trình độ phát triển kinh tế cao, giáo dục bắt buộc đã được thể chế hóa từ rất sớm và trở thành một công cụ hữu hiệu để thúc đẩy công bằng xã hội trong giáo dục. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của từng quốc gia.

Các quốc gia xây dựng chính sách giáo dục bắt buộc đa dạng về độ tuổi bắt đầu/kết thúc, tổng số năm, phạm vi cấp học, hình thức thực hiện và chế tài. Cách tiếp cận phù hợp là thiết kế theo bối cảnh thể chế, kinh tế, xã hội từng nước. Việt Nam cần xây dựng chính sách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh.

Thách thức trong việc thực hiện giáo dục bắt buộc chủ yếu từ nguồn lực và sự khác biệt về quan điểm. Một số nghiên cứu ủng hộ giáo dục bắt buộc vì cho rằng đây là công cụ hiệu quả để bảo đảm quyền học tập, nâng cao dân trí và thúc đẩy công bằng xã hội (Qi & Xiao, 2016; Gao, 2024). Ngược lại, chuỗi bài “Bản án mười hai năm” (Boaz, 1974; Rolleston & Iyer, 1974; Spring & Rickenbacker, 1974) cho rằng, giáo dục bắt

buộc có thể mang tính áp đặt, hạn chế quyền trẻ em và phục vụ mục tiêu chính trị hơn là nhu cầu phát triển cá nhân. Một số quan điểm trung lập đề xuất rằng giáo dục bắt buộc chỉ hiệu quả khi được thực hiện linh hoạt, tôn trọng sự khác biệt cá nhân và đi kèm với cơ chế hỗ trợ phù hợp (Katz, 1976). Bên cạnh tranh luận về quan điểm, nhiều thách thức thực tiễn được ghi nhận như hạn chế về tài chính, chênh lệch vùng miền, thiếu giáo viên, áp lực học tập và sự phối hợp chưa hiệu quả giữa Nhà nước - nhà trường - gia đình (Sun, 2022; Janjang và cộng sự, 2023). Điều này cho thấy cần nhìn nhận giáo dục bắt buộc từ nhiều góc độ khác nhau và có các giải pháp toàn diện để bảo đảm quyền học tập, phù hợp với nhu cầu và bối cảnh thực tế.

Việt Nam cần tiếp cận toàn diện và linh hoạt trong xây dựng và triển khai chính sách giáo dục bắt buộc. Mặc dù đã có khung pháp lý tương đối đầy đủ, hệ thống chính sách hiện còn thiếu gắn kết giữa mục tiêu, nguồn lực và cơ chế thực thi. Tiếp cận toàn diện đòi hỏi đồng bộ pháp lý, tài chính, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, giám sát, đánh giá và hỗ trợ nhóm yếu thế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy chính sách chỉ hiệu quả khi được điều chỉnh linh hoạt theo vùng miền và năng lực địa phương. Vì vậy, Việt Nam cần chuyển từ cách tiếp cận hành chính sang cách tiếp cận dựa trên quyền học tập và sự tham gia của nhiều bên để bảo đảm tính khả thi và bền vững.

Chính sách giáo dục bắt buộc cần được cụ thể hóa bằng các hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ, chương trình, kế

hoạch hành động rõ ràng. Với các nguồn lực, cơ chế giám sát thực thi hiệu quả, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, đặc biệt là gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương. Giáo dục bắt buộc phải đi đôi với giáo dục có chất lượng, công bằng và nhân văn.

4. Kết luận

Chính sách giáo dục bắt buộc là một chính sách có ý nghĩa chiến lược, thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền học tập của mọi trẻ em và hướng đến mục tiêu công bằng xã hội trong giáo dục, là một công cụ pháp lý để đảm bảo mọi trẻ em, không có bất kì sự phân biệt nào, được tiếp cận với nền giáo dục có chất lượng.

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, những quốc gia thành công thường có khung chính sách rõ ràng, việc thực thi chính sách có sự phối hợp giữa nhiều chủ thể và có các giải pháp đồng bộ về pháp lý, tài chính, quản lý và xã hội. Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy giáo dục bắt buộc không thể áp dụng theo một mô hình chung mà phải được thiết kế linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng quốc gia và từng địa phương.

Đối với Việt Nam, việc xây dựng và triển khai chính sách giáo dục bắt buộc cần dựa trên cách tiếp cận toàn diện và linh hoạt, gắn kết giữa khung pháp lý, năng lực thực thi và nguồn lực thực tế, đồng thời coi trọng sự tham gia của cộng đồng và sự phối hợp liên ngành. Điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của chính sách giáo dục bắt buộc trong bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

- Boaz, David. (1974). *The twelve-year sentence: Introduction. Libertarianism*. <https://www.libertarianism.org/publications/essays/twelve-year-sentence-introduction>.
- Chính phủ. (2016). *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*.
- Dang Thi Thanh Binh & Hoang Xuan Trung. (2024). The impact of compulsory primary education law on the educational attainment of children: Evidence from Vietnam. *Asian Economic Journal*. <https://doi.org/10.1111/asej.12321>.
- Do Minh Thu, Trinh Thi Anh Hoa, Pham Thi Thuy Hong, Hoang Ngoc Thang, Nguyen The Thang. (2024). Bibliometric analysis of policy on compulsory education: key findings from studies between 1965 and 2024. *Multidisciplinary Science Journal*. <https://doi.org/10.31893/multiscience.2025263>.
- Gao, Yuhuan. (2024). Comparison of compulsory education between China and Britain. *EWA Publishing*. <https://doi.org/10.54254/2753-7048/62/20241785>.
- Hồ Sỹ Anh. (2024). Từ miễn học phí đến giáo dục bắt buộc. *Báo Thanh niên điện tử*. <https://thanhnien.vn/tu-mien-hoc-phi-den-giao-duc-bat-buoc-185240511213555894.htm>.
- Janjang, Juliana Mohd, Mohd Nor, Mohamed Yusoff & Hamid, Aida Hanim A. (2023). Parents' challenges against the intention of the implementation of the 12-year compulsory education policy in Malaysia. *e-Bangi*, 20 (4). <https://doi.org/10.17576/ebangi.2023.2004.10>.
- Jian, Li. (2020). Compulsory educational policies in rural China since 1978: A macro perspective. *Beijing International Review of Education*. <https://www.semanticscholar.org/paper/4952cbef8809c14a330ab2526b4a9cc3a83d04ac>.
- Katz, Michael S. (1976). *A history of compulsory education laws*. Bloomington, IN: Phi Delta Kappa

- Educational Foundation.
- Li, Jian & Xue, Eryong. (2021). *Compulsory education policy – Concept and practice*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-981-33-6358-8>.
- Nguyễn Phú Tuấn. (2023). Giáo dục bắt buộc đối với giáo dục tiểu học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. *Tạp chí điện tử Giáo chức Việt Nam*. <https://tapchigiaochuc.com.vn/giao-duc-bat-buoc-doi-voi-giao-duc-tieu-hoc-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-mien-nui.html>.
- Phạm, Việt Vương. (2023). Chính sách giáo dục bắt buộc ở một số nước Đông Nam Á và Châu Âu, Châu Mỹ. *Tạp chí Giáo dục*. <https://tapchigiaochuc.com.vn/chinh-sach-giao-duc-bat-buoc-o-mot-so-nuoc-dong-nam-a-va-chau-au-chau-my.html>.
- Qi, Jie & Xiao, Hao-Zhu. (2016). Similar trends: Compulsory education reforms in Japan and China. *Social Science, Education and Human Science*. <https://doi.org/10.12783/dtssehs/eshd2016/5162>.
- Quốc hội. (2019), Luật số 43/2019/QH14, *Luật Giáo dục*.
- Rolleston, Caine & Iyer, Padmini. Beyond the basics: Access and equity in the expansion of post-compulsory schooling in Vietnam. *International Journal of Educational Development* (2019). Beyond the basics: Access and equity in the expansion of post-compulsory schooling in Vietnam. *International Journal of Educational Development*.
- Rothbard, Murray & Rickenbacker, William. (1974). The twelve-year sentence: The “historical origins” of compulsory schooling. *Libertarianism*. <https://www.libertarianism.org/publications/essays/twelve-year-sentence-historical-origins-compulsory-schooling>.
- Spring, Joel H. & Rickenbacker, William. (1974). The twelve-year sentence: Sociological and Political Rumination. *Libertarianism*. <https://www.libertarianism.org/publications/essays/twelve-year-sentence-sociological-political-ruminations>.
- Sun, Maojia. (2022). Nine-year compulsory education policy in China. *International Journal of Curriculum Development and Learning Measurement*. <https://doi.org/10.4018/ijcdlm.315580>
- Tô Bá Trượng. (2023). Giáo dục bắt buộc - một số vấn đề trao đổi; *Tạp chí điện tử Giáo chức Việt Nam*; <https://tapchigiaochuc.com.vn/giao-duc-bat-buoc-mot-so-van-de-trao-doi.html>.
- UNESCO Institute for Statistics. (n.d.). *Compulsory education*. In UIS glossary. Retrieved August 22, 2025, from UNESCO Institute for Statistics website; Compulsory education | UNESCO UIS.
- Xiao Yun, Li, Li & Zhao, Liquu. (2017). Education on the cheap: The long-run effects of a free compulsory education reform in rural China. *Journal of Comparative Economics*, 45(3), 544–562. <https://doi.org/10.1016/j.jce.2017.07.003>.
- Yang, Bo, Tan, Yi, Md Nazirul Islam, Deng, Wenjing, Yuan, Junhui, Firdaus, R.B. Radin. (2024). A model for evaluating the performance of compulsory education inputs in ethnic areas in China. *Heliyon*. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e26247>.
- Yang, Yuping & Guo, Xiaodong. (2020). Universal basic education and the vulnerability to poverty: Evidence from compulsory education in rural China. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 25(4), 611–633.
- Yuan, Fangcheng. (2008). Reform of rural compulsory education under the perspective of public finance equalization. *Asian Social Science*, 4(7), 7–13. <https://doi.org/10.5539/ass.v4n7p7>.